TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Việt Hùng

2. Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 12, xã HQ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thành L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm 12, xã HQ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị Th, anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th kết hôn với anh Phạm Thành L vào ngày 23/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã HQ, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung

sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến tháng 02/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, anh L thường xuyên đi làm xa, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và chưa muốn vợ chồng có con chung. Mặc dù chị Th và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L vẫn không nghe. Vợ chồng chị Th, anh L đã sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập cho anh L nhưng anh L đều không đến Toà án làm việc nên cán bộ Toà án đã nhiều lần đến tận gia đình anh L giao các văn bản tố tụng cho anh L. Do anh L đi vắng nên người nhà anh L là ông Phạm Văn Chương (là cha đẻ anh L) đã nhận tất cả các văn bản tố tụng thay cho anh L và cam kết sẽ có trách nhiệm chuyển đến tận tay anh L nhận gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 155/TB-TLVA ngày 27/7/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 155/TB-TA ngày 11/8/2017; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 160/TB-TA ngày 14/8/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2017; Quyết định hoãn phiên toà số 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2017. Như vậy, anh L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, nhưng hết thời hạn anh L vẫn không có bản tự khai, không đến Toà án làm việc và không tham gia hoà giải lần nào.

Tại phiên toà, chị Th giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, anh L vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không đến Toà án làm việc, cán bộ Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn Chương (là cha đẻ anh Xuân) nhận thay, việc này được thể hiện bằng đơn đề nghị của ông Chương và theo quy định tại các Điều 170, 171, 177, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự thì hết thời hạn ghi trong các văn bản tố tụng mà người được thông báo không có ý kiến gì đối với các yêu cầu của người khởi kiện thì Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng nêu ở trên cho anh L được coi là hợp lệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã HQ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên tính tình và quan điểm sống không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không hạnh phúc. Từ tháng 4/2014, chị Th và anh L đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị Th đề nghị xin được ly hôn anh L.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ. Đến nay anh L cũng không có ý kiến gì về tài sản chung và công nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Phạm Thành L.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số BB/2012/09027 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự: 1 bản;
- UBND xã HQ: 1 bản;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án: 2 bản;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Văn Thung